

# Dịch và Lý Tắc Tiên-Rông

**K**inh Dịch có thể được coi là một cuốn kỳ thư của thế giới. Dịch hàm chứa nhiều quy luật liên quan đến *thiên nhiên* và *loài người*. Khó có người nào có thể tự hào thâm hiểu Dịch. Từ ngàn xưa đến nay, qua bao nhiêu thế hệ, các học giả vẫn còn tranh luận sôi nổi về Dịch. Tuy nhiên, các quy luật tuy rất nhiều nhưng có thể thu gọn trong một số điểm căn bản khả dĩ giải thích được những biến đổi trong xã hội nhân loại từ xưa đến nay. Từ thời cổ sử, tiền sử, các sắc dân sinh sống trên vùng đất Trung Hoa ngày nay thuộc các tộc Hán, Di và Việt. Tộc Hán sống du mục du cư tại vùng Tây Bắc sông Hoàng Hà, tộc Việt sống định canh định cư tại châu thổ sông Hoàng Hà, còn tộc Di sống giữa hai tộc Hán và Việt. Nhiều bộ tộc Hán di chuyển nay đây mai đó nên tại những vùng ranh giới, nhiều bộ tộc Hán, Di, và Việt đã sống xen kẽ nhau, nên đã có sự giao lưu văn hóa và kinh tế. Khoảng năm, bảy ngàn năm về trước (?), không biết sắc dân Hán, Di hay Việt đã tạo ra hai từ ngữ Dương và âm để chỉ hai yếu tố đối nghịch nhau. Sau đây là một ít thí dụ (từ ngữ chỉ Dương để trước; từ ngữ chỉ âm để sau):

*Dương-âm, Trời-Đất, Mặt Trời-Mặt Trăng, Sáng-Tối, Ngày-Đêm, Động-Tĩnh,...v.v....*  
*Nam-Nữ, Chồng-Vợ, Ang-Bà, Cha-Mẹ,...v.v....* *Tốt-Xấu, Phải-Trái, Thuận-Nghịch, Có-Không, Cương-Nhu, Lẻ-Chẵn, Tinh thần-Vật chất,...v.v....*

Âm dương tác động vào nhau, sinh ra vạn vật: muông thú, cỏ cây, loài người. Vạn vật biến đổi không ngừng. Sự biến đổi đó gọi là Dịch, với 3 ý nghĩa: *biến dịch* (thay đổi), *giao dịch* (giữa Dương và Âm, Nam và Nữ, Đực và Cái), hoặc *bất dịch* (không thay đổi: bất di bất dịch). Xin lấy thí dụ về bất dịch: Ngày-Đêm là sự chuyển biến từ sáng sang tối, sau đêm lại đến ngày: thứ tự ngày-đêm nối tiếp nhau, không bao giờ thay đổi; đó là sự bất dịch về thứ tự của ngày-đêm. Có một sự thực mà ai cũng phải chấp nhận: thiên nhiên có trước loài người; chỉ có một loài người nhưng lại có nhiều dân tộc. Do đó, muốn tìm hiểu Dịch, ta phải tìm hiểu những biến đổi trong thiên nhiên và trong loài người (xã hội nhân loại và xã hội dân tộc). Nói cách khác, ta phải tìm hiểu các quy luật về sự vận động và phát triển của thiên nhiên (hay vũ trụ), của xã hội nhân loại và của xã hội dân tộc.

## A. Vận Động và Phát Triển của Vũ Trụ

Các quy luật chi phối vũ trụ thiên nhiên là các quy luật vật chất tự nhiên. Đó là các quy luật khoa học của vật chất, có tính cách khách quan (nghĩa là các quy luật đó không thay đổi, vẫn như cũ, dù có con người hay không có con người). Đó là bản chất của quy luật. Phần này gọi là thể (bản thể) của Dịch, *cho nên Thể của Dịch chỉ có một* (duy nhất), ở bất cứ nơi nào, lúc nào cũng thể thôi (thí dụ: mặt trăng quay chung quanh trái đất hoặc trái đất quay chung quanh mặt trời). Thể của Dịch là một nhưng hàm chứa nhiều quy luật về vạn vật mà ta có thể thu về hai yếu tố đối nghịch A và B làm căn bản (trương tự dương và âm hay đực và cái). Sự giao dịch giữa A và B tùy thuộc tương quan trạng thái của A và B: hoặc trạng thái chênh lệch (không cân bằng) hoặc trạng thái cân bằng (hay quân bình trạng thái).

## 1. Trạng Thái Chênh Lệch

Trong sự giao dịch (tác động giữa hai yếu tố hay tác động hai chiều), ta có một yếu tố mạnh (thí dụ A) và một yếu tố yếu (thí dụ B). Thông thường, A lợi dụng thế mạnh của mình để uy hiếp kẻ yếu, rồi áp đặt ý định của mình lên B để trục lợi. Tác động hai chiều đã biến đổi thành tác động một chiều. Tất nhiên, yếu tố B phản kháng để không bị thiệt hại. Thế là tranh chấp xảy ra, đến hồi quyết liệt có thể dẫn đến chiến tranh gây ra các hệ quả vô cùng khốc hại. *Kết quả của tác động một chiều là luật “Mạnh được, yếu thua” mà hậu quả là “Đối lập tiêu diệt hay Mâu thuẫn hủy diệt”.*

## 2. Trạng Thái Quân Bình

Khi A và B có lực lượng tương đương, tác động hai chiều sẽ đưa đến một trong hai trường hợp sau:

- a. Không ai nhường bộ ai. Giao dịch giữa hai yếu tố A và B dẫn đến tình trng căng thẳng (từ ngữ hiện ti là chiến tranh lạnh). Tình trạng này có thể kéo dài cho đến khi một bên không thể chịu đựng được nữa và trở thành kẻ yếu. Tác động hai chiều lại biến đổi thành tác động một chiều như ở trạng thái chênh lệch.
- b. Hai bên nhân nhượng nhau để đi đến thỏa thuận về quyền lợi, trách nhiệm...v.v... ngõ hầu sống chung hòa bình để mưu cầu hạnh phúc cho cả hai bên. Hai yếu tố đối lập A và B đã thống nhất ý kiến, thống nhất hành động trong giao dịch.... Trong trường hợp này, *tác động hai chiều dẫn đến luật “Đối lập thống nhất”.* Tóm lại, sự vận động và phát triển của vũ trụ (phần vũ trụ quan) có hai quy luật sau:

1. *Tác động một chiều dẫn đến luật đối lập tiêu diệt (hay mâu thuẫn hủy diệt).*

2. *Tác động hai chiều dẫn đến luật đối lập thống nhất.*

Trong thiên nhiên, ta có thể thấy luật tác động một chiều với đối lập tiêu diệt tại núi rừng, sông biển. Tại núi rừng, những cây nhỏ mọc dưới bóng những cây lớn, cây cỏ thụ, tầng trưởng ềo uột hoặc thui chột; loại thú mạnh như hổ báo tàn sát những súc vật nhỏ hơn như hươu, nai,...v.v.... Đó là luật rừng “mạnh được yếu thua”. Trong sông biển, ta thấy luật “cá lớn nuốt cá bé”. Tuy nhiên, những cây lớn, thú dữ, cá mạnh thuộc thiểu số trong thiên nhiên, còn các cây nhỏ, thú vật hay tôm cá loại yếu lại nhiều không kể xiết. Do đó, một số ít bị tiêu diệt, vạn vật vẫn tiếp tục sinh sôi nảy nở không ngừng đến ngày nay và sẽ tồn tại mãi mãi về sau. Luật “tác động hai chiều” xảy ra trong vũ trụ bao la: luật vạn vật hấp dẫn giữa các tinh tú, “sức đẩy và sự hút” của mặt trăng, trái đất,...v.v.... Nhờ quan sát các hiện tượng trong thiên nhiên, con người mới tìm ra những quy luật về tác động một chiều hay tác động hai chiều. Những luật trong thiên nhiên có tính khoa học và khách quan vận động, độc lập với không gian và thời gian, dù có con người hay không có con người cũng thế thôi. *Đó là phần thể của Dịch.* Phải chăng từ ngàn xưa, tộc Hán với lối sống du mục du cư, chỉ áp dụng tác động một chiều? Phải chăng tộc Việt với cuộc sống định canh định cư, phải quan sát kỹ lưỡng những hiện tượng thiên nhiên nên tộc Việt nhận thức rằng chỉ có trường hợp “mưa thuận gió hoà” - tức âm dương kết hợp, động tĩnh thống nhất - mới có thể cây cây trồng trọt

hoa màu được. Trong đời sống nông nghiệp, dân Việt thấy cần phải chung lưng góp sức, thành tâm thiện chí cùng nhau phân công, hợp tác trong công việc đồng áng mới mong đạt được kết quả tốt đẹp trong việc trồng trọt, cây cấy. Chính đời sống thực tiễn đó đã khiến dân Việt hiểu được tác động hai chiều (và đối lập thống nhất), cùng phân công hợp tác để sống trong hạnh phúc - *đó lại thuộc phần Dụng của Dịch*. Có thể vào thời đó, dân Việt chưa có ý niệm gì về sức đẩy và sức hút của trái đất cũng như luật vạn vật hấp dẫn mà các khoa học gia mới khám phá ra về sau này. Sang xã hội nhân loại, con người đã vận dụng các quy luật trong thiên nhiên để phục vụ loài người: đó là phần Dụng của Dịch. Ta cũng nên biết là ***Thế của Dịch là một, nhưng Dụng của Dịch thì vô cùng***. Do đó, ta cần phải xác định rõ rệt chân lý trong thiên nhiên, trong xã hội nhân loại và sau đó là xã hội dân tộc. Trong thiên nhiên, ngày-đêm, mưa-nắng có tính cách đương nhiên của hiện tượng, tự nó tự khởi, tự nó diễn biến bằng những phương thức khác nhau và đưa đến những kết quả khác nhau. Thiên nhiên không có tư tưởng nên không có ý thức gì về nguồn gốc, nguyên nhân của hiện tượng: Chân lý trong thiên nhiên có tính vô nguyên, nhưng hiện tượng trong thiên nhiên lại biến đổi theo không gian và thời gian nên chân lý trong thiên nhiên có tính tương đối. Tóm lại: *“Chân lý trong thiên nhiên có tính vô nguyên và tính tương đối”*.

## **B. Vận Động và Phát Triển của Xã Hội Nhân Loại**

Con người sống trong thiên nhiên nên thiên nhiên đã có ảnh hưởng đến con người. Do đó, trong con người ắt có tính tự nhiên (tự nhiên tính). Ngược lại, thiên nhiên không có tính người. Vì vậy, con người phải biết vận dụng các quy luật trong thiên nhiên để đem lại hạnh phúc cho loài người: phần này là Dụng của Dịch. Con người cần có ăn, có mặc...v.v..., nghĩa là các nhu cầu vật chất để nuôi thân mà duy trì sự sống: đó là ***nhu yếu tính***. Vũ trụ thiên nhiên nuôi sống con người, nhưng cũng có thể gây tai họa cho con người (bão tố, lụt lội, động đất,...). Do đó, con người cần có nhu cầu tự vệ: đó là ***tự vệ tính***. Con người lại có nhu cầu chung đùm nam nữ để sinh con cái nối dõi cho nòi giống khỏi bị tiêu diệt: đó là ***sắc tính***. Để tăng thêm sức mạnh chiến đấu với thiên nhiên, con người thấy có nhu cầu sống thành đoàn thể (đoàn, bộ lạc, dân tộc...): đó là ***xã hội tính***. Bốn đặc tính trên (nhu yếu tính, tự vệ tính, sắc tính, xã hội tính) là các đặc tính căn bản của loài người, hợp lại thành tính người (nhân tính). Xã hội ban đầu đó là “xã hội nhân tính nguyên thủy” hoặc “xã hội bản tính” hay “xã hội tự tính” trong đó con người sống hài hòa, thương yêu nhau, giúp đỡ nhau để mưu cầu hạnh phúc cho nhau. Hiện nay, con người đang xa lìa cái gốc xã hội đó nên đã gặp nhiều phiền toái trong xã hội hiện tại phức tạp đầy nhiễu loạn. Chúng ta biết rằng trong thiên nhiên, các hiện tượng vận động và phát triển theo hình xoáy ốc tròn tuột, nghĩa là không có ngưng đọng hoặc trục trặc làm biến đổi hiện tượng. Trong xã hội nhân loại, hình xoáy ốc có nhiều “nút biến” do tư tưởng con người làm biến đổi hiện tượng, để đời sống con người mỗi ngày mỗi tươi đẹp hơn. Sự khám phá ra lửa để chuyển cách ăn sống sang cách ăn chín là một “nút biến”. Những thời kỳ biến đổi từ mẫu hệ sang phụ hệ, thời kỳ đồ đá, đồ đồng, đồ sắt,...v.v... cho tới thời kỳ kỹ nghệ nguyên tử, điện tử, máy vi tính, là những “nút biến” khác nữa. Những “nút biến” đó là động cơ tiến hóa không ngừng. Chính tư tưởng đã làm cho con người có khả năng chủ động đối với thiên nhiên. Con người không thể hủy diệt thiên nhiên mà phải thích ứng với thiên nhiên để phục vụ con người, sao cho đời sống con người mỗi ngày mỗi tươi đẹp thêm. Con người tìm cách làm chủ vũ trụ vật chất khách quan, chuyển các quy luật trong thiên nhiên thành những quy luật có tính cách triết học và chủ quan. Do đó, chân lý không còn tính cách đương nhiên khách quan mà đã chuyển thành tuyệt đối chủ quan, cho nên *chân lý trong xã hội nhân loại có tính tuyệt đối*. Con người trong xã hội nhân loại có bản thể như nhau,

dù có da trắng, da vàng, đen hay đỏ: loài người là nhất tính, nhất nguyên nghĩa là cùng một giống (giống người). Như vậy, *chân lý trong xã hội nhân loại có tính Nhất Nguyên*.

Tóm lại, trong xã hội nhân loại, **“Chân Lý có tính nhất nguyên và tính tuyệt đối”**.

### **C. Vận Động và Phát Triển của Xã Hội Dân Tộc**

Chỉ có một loài người nhưng lại có nhiều dân tộc với những yếu tố khác nhau về phong tục tập quán, ngôn ngữ, diễn biến lịch sử...v.v.... Mỗi dân tộc có yếu tố đồng chất về chủng tộc, có một tính riêng biệt gọi là dân tộc tính, sinh hoạt theo các quy luật riêng của dân tộc mình. Do đó, mỗi dân tộc vận dụng Dịch sao cho thích hợp với dân tộc tính. Vì thế, phần Dụng của Dịch khác biệt đối với mỗi dân tộc. Khi ta nói: Dịch Hán và Dịch Việt khác nhau, ta hiểu là điểm khác biệt đó liên quan đến phần Dụng của Dịch (vì phần Thể thì vô cùng còn phần Thể của Dịch là Một dù đối với tộc Hán hay tộc Việt hoặc bất cứ dân tộc nào khác). Chủng tộc, kinh tế và ý thức là ba điều kiện hot động của xã hội, thường được hỗ trợ vận dụng để làm thay đổi tình trạng xã hội. Thông thường, những vận động chính trị làm thay đổi xã hội. Chiến tranh chỉ là những trường hợp bất thường, hoặc những dân tộc cần tự vệ để bảo toàn sự sống còn của dân tộc. Ta thấy ngay là: Chân lý đúng với dân tộc này, lại có thể sai với dân tộc khác, do những yếu tố khác biệt về khí hậu, điều kiện phân bố, văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán, lịch sử...v.v.... Cho nên chân lý trong xã hội dân tộc có tính đa nguyên. Tình trạng xã hội dân tộc lại biến đổi theo không gian và thời gian nên chân lý có tính tương đối. Tóm lại, trong xã hội dân tộc, **chân lý có tính đa nguyên và tính tương đối**.

#### **C.1. Phần Dụng của Dịch tại Tây Phương**

Phải chăng các triết gia Tây Phương không có ý niệm về Dịch, hoặc chỉ có những hiểu biết đi khải về Dịch? Họ là tác giả của nhiều chủ thuyết (thí dụ: Phát Xít, Cộng Sản, Tư Bản...) mà triết gia hiện tại nổi tiếng trên thế giới là *Heidegger đã cay đắng tuyên bố: “Văn hóa Tây Phương hồng từ nền tảng, đem truyền bá đến đâu thì gieo rắc máu và nước mắt tới đó”*. Nói theo Dịch, trong thế kỷ 20 này, những người lãnh đạo ba nước Phát Xít Đức, Ý, Nhật, các nước khối cộng sản hay khối tư bản đều sử dụng lý “tác động một chiều” với luật “mạnh được yếu thua” để rồi dẫn tới “đổi lập tiêu diệt”. Ba nước Đức, Ý, Nhật chủ trương chủng tộc ưu việt, dùng sức mạnh quân sự nô lệ hóa các nước khác để trục lợi, theo luật “mạnh được yếu thua”, gây ra cuộc tàn sát giữa người và người (đổi lập tiêu diệt). Lúc đầu, họ thắng thế nhưng sức yếu dần rồi cuối cùng thua kém phe đồng minh (Anh, Pháp, Nga, Mỹ...). Phe đồng minh cũng dùng luật “mạnh được yếu thua” để đánh bại phe Phát Xít. Máu và nước mắt đã chan hòa khắp mọi nơi. Liên Bang Sô Viết theo chủ nghĩa duy vật, dùng chính trị và khủng bố để khống chế dân chúng trong nước, nô lệ hóa các nước chư hầu (tác động một chiều, rồi luật mạnh được yếu thua). Đời sống nhân dân vô cùng cơ cực. Khối cộng sản tuy cường thịnh một thời gian, nhưng cuối cùng đi đến chỗ tàn tạ trước sức mạnh của khối tư bản. Máu và nước mắt lại chan hòa khắp nơi. Trong khi hai khối Cộng Sản và Tư Bản ở hồi hưng thịnh, Nga và Mỹ ở vị thế đổi lập, tranh giành ảnh hưởng

trên thế giới, gây ra chiến tranh lạnh (tác động hai chiều với lực lượng thăng bằng). Cuộc đối đầu kéo dài đến khi khối Cộng Sản tàn tạ (thời kỳ suy vong sau khi hưng thịnh) thì khối Tư Bản ở thế mạnh. Lúc đó, tình thế trở thành trạng thái chênh lệch. Tác động hai chiều biến dịch thành tác động một chiều với luật mạnh được yếu thua. Chỉ còn lại các nước Tư Bản đang hồi hưng thịnh. Dân chúng có đời sống vật chất tương đối cao, nhưng tinh thần luôn luôn căng thẳng (âm dương mất thăng bằng trong con người), xã hội thường gặp nhiều lộn. Các nhà lãnh đạo khối Tư Bản dùng những chiêu bài nhân đạo giả tạo để che lấp âm mưu khống chế toàn cầu về kinh tế (tác động một chiều, luật mạnh được yếu thua), để mưu toan trục lợi. Họ gây bất mãn cho dân chúng các nước khác vì không muốn làm nô lệ kinh tế cho Tư Bản. Sự tranh chấp giữa các nước Tư Bản với nhau (vì phần Dụng của Dịch khác nhau đối với mỗi dân tộc), cũng như sự tranh giành quyền lợi của các đảng phái đối lập trong mỗi nước (phần dụng của Dịch khác nhau đối với các đảng phái có chủ trương khác nhau), cộng với sự bất mãn và tranh đấu của dân chúng các nước nhỏ yếu (phần dụng của Dịch đối với dân tộc yếu cần tự vệ chính đáng để sống còn) là những mầm mống làm các nước Tư Bản đi đến xáo trộn, suy vong.

## C.2. Phần Dụng của Dịch Trung Hoa

Từ thời xa xưa, tộc Hán sống cuộc đời du mục du cư, nay đây mai đó. Họ tàn sát muông thú để sinh sống, đánh đập súc vật lạc đàn: đó là tác động một chiều theo luật mạnh được yếu thua, dẫn đến luật đối lập tiêu diệt. Thói quen đó của tộc Hán được nối tiếp từ đời này qua đời khác, từ thế hệ trước đến thế hệ sau, trở thành tính hiếu chiến của dân Hán. Do đó, chúng ta không lấy làm lạ khi lịch sử Trung Hoa đầy rẫy những cuộc nội chiến hay cuộc xâm lăng các nước chung quanh mà người Hán gọi là man di mọi rợ. Mãn Châu rồi Nội Mông đã bị sát nhập vào Trung Hoa, Tây Tạng bị họ xâm lăng năm 1959. Tộc Hán đã đô hộ dân Việt cả ngàn năm thuộc thiên niên kỷ thứ nhất. Họ vẫn còn nuôi mộng thôn tính Việt Nam để làm bàn đạp tiến xuống chiếm vùng Đông Nam Á, nhưng mộng đó chưa thành thì tộc Hán (quốc gia ở Đài Loan cũng như cộng sản ở Hoa Lục) đều đã diễn võ dương oai ở biển Đông. *Họ đã thực hiện phần Dụng của Dịch theo tác động một chiều với luật mạnh được yếu thua để nô lệ hoá các nước yếu (đối lập tiêu diệt)*. Phần Dụng của Dịch theo tộc Hán cũng giống như phần dụng của Dịch theo Tây Phương, khác hẳn với phần Dụng của Dịch Việt. Do đó, khi nói: Dịch Hán khác Dịch Việt, chúng ta nên hiểu sự khác biệt đó chỉ liên quan đến phần Dụng mà thôi.

## C.3. Phần Dụng của Dịch Việt - Lý Tắc Tiên Rồng

Trong khi tộc Hán có cuộc sống du mục du cư, tộc Việt đã sống định canh định cư để trồng trọt, cấy cấy. Muốn gặt hái được kết quả tốt đẹp trong nông nghiệp, dân Việt phải quan sát hiện tượng thiên nhiên, óc thực tiễn để giải quyết công việc nảy sinh từ đó. Việc cấy cấy không thể đơn phương thực hiện, dân trong thôn xóm giúp đỡ lẫn nhau để sới đất, gieo mạ, cấy lúa: đó là sự “giao dịch” giữa dân làng, thôn xóm theo “tác động hai chiều”. Để đạt được kết quả tốt đẹp, mọi người phải chung lưng góp sức trong công việc đồng áng, san bằng những dị biệt (đối lập thống nhất), cùng nhau sống hài hòa. Tình thương yêu đồng bào nảy sinh từ hành động thực tiễn trong nông nghiệp nên mọi người đều sống an vui, hạnh phúc.

Công việc nặng nhọc sẽ do những người khỏe mạnh đảm nhận, công việc nhẹ nhàng do những người yếu sức phụ trách. Sự phân công, hợp tác đã tỏ rõ lòng thành tâm thiện chí của mọi người trong tinh thần bình đẳng, không phân biệt giai cấp (cầm quyền hay dân chúng, khỏe mạnh hay yếu đuối....) Tóm lại, đời sống nông nghiệp của dân Việt đã đưa đến ba hệ quả mà những thế hệ sau gọi là quy luật:

- 1. Tác động hai chiều.**
- 2. Đối lập thống nhất.**
- 3. Phân công hợp tác.**

Ba quy luật trên đã được tổ tiên dân Việt minh họa trong cuộc hôn nhân giữa Âu Cơ và Lạc Long Quân, được thần thoại hóa thành mẹ Tiên và cha Rồng. Mẹ Tiên và cha Rồng là hai nhân vật tượng tượng, không có thật. Tiên được coi là người đã thăng hoa, biểu tượng cho đẹp đẽ, sung sướng, nhân ái, tươi vui, thanh nhã, nhu thuận, trường tồn... Rồng là rắn thăng hoa, biểu tượng cho sự hùng mạnh (lúc động khi bay bổng làm mưa làm gió trên không trung), sức nhẫn nại ẩn tàng đầy phong độ của người ẩn dật (lúc tĩnh khi an nghỉ ti long cung), tài năng quán thế (biến hóa vô cùng của Rồng)...

Lúc đầu, Âu Cơ và Lạc Long Quân còn xa lạ. Do một sự vận động nào đó, hai người biết nhau rồi đi đến kết hợp trong hôn nhân. Chúng ta thấy: vận động có mục đích đi đến kết hợp nên kết hợp là nguyên nhân của vận động. Kết hợp nào cũng cần có vận động mới thành, nên vận động cũng là nguyên nhân của kết hợp. Điều này có nghĩa là vận động và kết hợp là nguyên nhân lẫn của nhau hay hỗ tương nguyên nhân (đó là tác động hai chiều). Cuộc hôn nhân của Tiên Âu Cơ và Rồng Lạc Long Quân là sự kết hợp của Tiên và Rồng do sự vận động mà thành tựu. Vận động làm cho Tiên biết Rồng và Rồng biết Tiên. Nói cách khác, Tiên có tác động vào Rồng và Rồng có tác động vào Tiên, hay là Tiên và Rồng đã có tác động vào nhau nghĩa là tác động hai chiều. Tác động hai chiều đã đưa đến sự kết hợp Tiên-Rồng thành vợ chồng, sống chung dưới mái ấm gia đình. Đó là sự “thống nhất” giữa hai yếu tố đối lập Tiên và Rồng, tuy hai mà một, tuy một mà hai như câu thơ sau:

Mình với ta tuy hai mà một,  
Ta với mình tuy một mà hai.

Tiên là Nữ (thuộc âm), Rồng là Nam (thuộc dương). Cuộc hôn nhân Tiên-Rồng là sự thống nhất của hai yếu tố đối lập nữ và nam, hoặc âm và dương. Do đó, cuộc hôn nhân Tiên-Rồng đã hàm chứa hai quy luật triết học rất quan trọng trong cuộc sống là “tác động hai chiều” và “đối lập thống nhất” do kết quả của sự vận động và kết hợp là nguyên nhân lẫn của nhau. Tiên và Rồng có trách nhiệm cùng nhau sống hài hòa để đem lại hạnh phúc cho nhau, phân chia công việc trong gia đình cũng như việc cấy cấy, trồng trọt. Mọi hoạt động của Tiên hay của Rồng đều hướng về “phân công hợp tác” để đem lại hạnh phúc cho gia đình. Tóm lại, đời sống thực tiễn của gia đình Âu Cơ-Lạc Long Quân cũng như của bao nhiêu gia đình Việt thời Hùng Vương đã được thu gọn trong ba điểm mà sau này hậu thế gọi là quy luật tác động hai chiều, đối lập thống nhất và phân công hợp tác (với những ẩn ý hàm chứa trong

cuộc sống Tiên-Rồng như thành tâm thiện chí, tinh thần bình đẳng, mưu cầu hạnh phúc cho cả hai bên). Những truyện hôn nhân tầm thường đó nhưng rất quan hệ để đem lại hạnh phúc cho gia đình, thanh bình trong xã hội, sẽ phai nhòa trong trí nhớ của những thế hệ sau qua thời gian lâu dài, vì dưới thời Hùng Vương nước ta chưa có chữ Việt để ghi chép lại. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa Âu Cơ và Lạc Long Quân đã được thần thoại hóa thành truyện hôn nhân giữa Tiên và Rồng để câu chuyện thêm phần hấp dẫn cho người nghe. Hậu thế sẽ nhớ lâu hơn rồi truyền miệng cho con cháu từ đời này qua đời khác. Do đó, nhiều truyện dân gian có vẻ hoang đường đã được ghi chép lại vào thế kỷ 14, 15 trong Lĩnh Nam Trích Quái của Trần Thế Pháp vẫn còn được truyền tụng đến ngày nay. Gỡ bỏ tính cách hoang đường, tìm hiểu kỹ lưỡng những ẩn ý trong truyện hôn nhân Tiên-Rồng, chúng ta thấy ba quy luật làm được soi sáng cho cuộc sống của dân Việt, rút tía từ kinh nghiệm sống của nông dân Việt thời xa xưa. Thế hệ sau gọi ba quy luật đó là lý tắc Tiên-Rồng. Nhờ vận dụng ba quy luật đó, gia đình Việt cổ xưa đã sống an vui hạnh phúc trong một xã hội thanh bình. Tóm lại, dân Việt cổ xưa đã dùng cuộc hôn nhân Tiên-Rồng để cho hậu thế biết các quy luật của vũ trụ cần phải chọn lựa và điều chỉnh khi đem chuyên vào nhân loại với mục đích đem lại hạnh phúc cho con người (phần Dụng của Dịch). Đó là cách vận dụng tài tình của người Việt cổ xưa về lý tắc âm-dương trong thiên nhiên khi chuyển sang nhân loại. Dân Việt đã chuyển hai yếu tố đối lập âm-dương trong thiên nhiên thành hai yếu tố đối lập nữ-nam trong nhân loại, vật chất-tinh thần trong con người. Các quy luật “tác động một chiều” hay “tác động hai chiều” trong thiên nhiên chỉ là các quy luật có tính cách khoa học, khách quan vận động, không có mục đích gì cả (vì thiên nhiên không có tư tưởng). Dân Việt đã lựa chọn luật “tác động hai chiều”, điều chỉnh thành luật “đối lập thống nhất” và “phân công hợp tác” thành lý tắc Tiên-Rồng, có tính cách triết học và chủ quan vận động, vì có mục đích rõ rệt là đem lại hạnh phúc cho gia đình và thanh bình cho xã hội. Hậu thế cần nghiên cứu tường tận những truyện dân gian (truyện cổ tích), ca dao tục ngữ để khám phá ra những ẩn ý của tiền nhân gói ghém trong đó. Câu tục ngữ “Có đi có lại mới toại lòng nhau” cho thấy đó là “tác động hai chiều”. Ta cũng phải lưu tâm đến ẩn ý hàm chứa trong câu tục ngữ đó. “Có đi có lại...” cần có sự thăng bằng: “công bằng là đạo người ta ở đời”. Có được sự thăng bằng “có đi có lại...” thì sự giao dịch giữa hai bên mới có kết quả tốt đẹp, “...mới toại lòng nhau”. Ngược lại, “có đi có lại...” mà chênh lệch để mưu cầu lợi lộc theo kiểu “hòn bắc ném đi, hòn chì ném lại” thì “nặng, nhẹ” rõ rệt, “mạnh, yếu” rõ nét. Sự giao dịch sẽ biến đổi và thành “biến dịch”: “tác động hai chiều” sẽ biến đổi thành “tác động một chiều” với luật “mạnh được yếu thua” để trục lợi, thì làm sao có thể “toại lòng nhau” được. *Tóm lại, câu tục ngữ “Có đi có lại, mới toại lòng nhau” đã hàm chứa ẩn ý “trạng thái quân bình” về “tác động hai chiều” trong sự giao dịch giữa người với người.* Câu tục ngữ “Thuận vợ thuận chồng, biển Đông tát cạn. Thuận bè thuận bạn, tát cạn biển Đông.” chứng tỏ rằng hai yếu tố đối lập (vợ-chồng, bè bạn) đồng tâm nhất trí, thống nhất ý kiến để hành động (luật đối lập thống nhất) thì có thể vượt qua mọi khó khăn. Ta thấy luật “đối lập thống nhất” hàm chứa ẩn ý sự thành tâm thiện chí giữa hai yếu tố đối lập thì việc thống nhất mới đạt được kết quả tốt đẹp. “Thống nhất” để xây dựng, đem lại an vui cho cả hai phần tử đối lập, từ đó mà xã hội được thanh bình. Giữa hai vợ chồng, “đối lập thống nhất” mà thiếu thành tâm thiện chí, hợp tác trong hành động, để đi đến chỗ “chồng ăn chả, vợ ăn nem” thì gia đình làm sao có thể an vui được, hạnh phúc gia đình làm sao có thể có được. Kết quả có thể là: “mạnh ai nấy lo”, “đường ai nấy đi”. Câu thơ trong thời gian gần đây đã nói lên tình trạng gia đình tan vỡ khi bị ảnh hưởng của văn hóa Tây Phương:

*Anh đi đường anh, tôi đường tôi,  
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi.*

Câu ca dao “Chồng cây, vợ cây, con trâu đi bừa” minh họa sự “phân công hợp tác” giữa hai yếu tố đối lập: chồng thường khỏe hơn nên đảm nhận việc “cày ruộng” đòi hỏi phải có sức khỏe; vợ thể chất yếu đuối, phụ trách công việc “cấy lúa”, nhỏ cỏ nhẹ nhàng; còn việc đào xới, cày bừa nặng nhọc thì người chồng đảm nhận với sự phụ lực của con trâu. Lúc gặt hái được kết quả tốt đẹp, hoa lợi thu hoạch là của chung hai vợ chồng, nghĩa là của gia đình, chứ không phải của riêng vợ hay của riêng chồng. Có được như thế, gia đình mới sống an vui, hạnh phúc. Nói một cách tổng quát, việc “phân công hợp tác” hàm chứa ẩn ý công việc giao phó phải tùy thuộc thể trạng và khả năng của mỗi người, trong tinh thần bình đẳng (bình đẳng về cơ hội, bình đẳng về nghĩa vụ, bình đẳng về quyền lợi). Kết quả của công việc có mục đích rõ rệt là đem lại lợi ích cho gia đình nói riêng, cho đất nước nói chung. Chúng ta thấy rõ rệt đời sống nông nghiệp của dân Việt với óc thực tiễn giải quyết các công việc đồng áng, đã làm gương cho hậu thế, rồi những thế hệ sau đúc kết lại thành các quy luật hợp thành lý tắc Tiên-Rồng. Suy ra, chúng ta phải nghiên cứu kỹ lưỡng những truyện dân gian, những ca dao tục ngữ liên quan đến đời sống hàng ngày của dân chúng nói chung, của nông dân Việt nói riêng, xem có phù hợp với lý tắc Tiên-Rồng hay không. Tư tưởng Việt bàng bạc trong nếp sống Việt, đo sống Việt rồi từ đó thành truyền thống Việt, văn hóa Việt. Chính vì vận dụng được lý tắc Tiên-Rồng trong cuộc sống, dân Lạc Việt có cuộc sống an vui, hạnh phúc trong một xã hội thanh bình, trải dài suốt thời Hùng Vương, sống đông đảo tại châu thổ sông Hồng Hà ngày nay, đã đạt được một nền văn minh cao độ mà hậu thế gọi là văn minh Sông Hồng. Từ bao lâu nay, vì ảnh hưởng văn hóa ngoại lai, một số không ít người Việt đã sống xa lìa gốc nguyên thủy, chạy theo văn minh vật chất, coi nhẹ phần tinh thần nên đã đánh mất sự thăng bằng giữa âm (vật chất) và dương (tinh thần) trong con người, thường sử dụng “tác động một chiều” trong cuộc sống (ảnh hưởng của Trung Hoa rồi Tây phương) nên xã hội Việt mới sinh nhiều bất công, tinh thần dân Việt mới nhiều loạn.

***Do đó, chúng ta cần phải vận dụng lại tư tưởng Việt, phát huy văn hóa Việt, trang bị lại tinh thần Việt cho mọi tầng lớp dân chúng, thì dân Việt mới giải tỏa được những bế tắc hiện tại của lịch sử dân tộc.***

***Đào Văn Dương***  
***Tủ Sách Việt Thường***  
[www.tusachvietthuong.org](http://www.tusachvietthuong.org)